

Bản án số: 42/2021/DS-ST

Ngày 23 – 9 – 2021

V/v “*tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Tịnh.

2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Danh – Thư ký TAND huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-DS ngày 06/9/2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng S.

Địa chỉ: N, phường X, quận Y, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang T, chức danh: Giám đốc Ngân hàng S - Chi nhánh Q. Theo Quyết định số 3977/2020/QĐ – PL ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc ủy quyền ký hợp đồng/ thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ T2, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng S chi nhánh Q. Theo giấy ủy quyền số 21/2021/GUQ- CNQNI ngày 26 tháng 03 năm 2021 về việc ủy quyền ký hợp đồng/ thỏa thuận, văn bản và thẩm quyền tham gia tố tụng

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh K, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng S chi nhánh Q. Theo giấy ủy quyền số 120/2021/GUQ - QNI ngày 14 tháng 8 năm 2021, có mặt.

Địa chỉ: 449 Q1, thành phố Q, tỉnh Q.

Bị đơn: **Ông Đỗ Thế T3**, sinh năm 1968, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Th, xã T4, huyện S1, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2021 và các văn bản tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng S ông K trình bày: Ngày 17/4/2015 ông Đỗ Thế T3 có ký với Ngân hàng S (Sau đây gọi là Ngân hàng) – Chi nhánh Q – Phòng giao dịch B Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số thẻ 970403-9824 và thẻ 472074 - 7234. Căn cứ thu nhập của ông T3, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với mức sử dụng là 10.000.000đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 1.916%/tháng (lãi suất trong hạn).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ ông T3 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 77.164.700đồng, trong đó: Số thẻ 970403-9824: 67.700.000,đồng; số thẻ 472074-7234: 9.464.700,đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến ngày 30/7/2019 ông T3 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền với thẻ 970403-9824: 69.456.338,đồng và đến ngày 29/8/2019 số thẻ 472074-7234: 9.602.000,đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch.

Dư nợ = Số tiền giao dịch – (Số tiền thanh toán – Phí, lãi).

Trong đó: Số tiền giao dịch của thẻ 970403-9824: 67.700.000,đồng, số tiền thanh toán: 69.456.338,đồng, tổng các khoản phí: 2.586.239đồng, tổng tiền lãi: 6.485.028 đồng. Dư nợ tính đến ngày 30/07/2019 là 7.314.929đồng.

Số tiền giao dịch của thẻ 472074-7234: 9.464.700,đồng, số tiền thanh toán: 9.602.000,đồng, tổng các khoản phí: 1.584.000đồng, tổng tiền lãi: 710.331đồng. Dư nợ tính đến ngày 29/08/2019 là 2.157.031đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T3 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T3 vi phạm hợp đồng, 90 ngày không thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 30/07/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ ông T3 còn thiếu tại thời điểm này với số tiền của thẻ 970403-9824 là 7.314.929,đồng, và ngày 29/08/2019 đối với thẻ 472074-7234 là 2.157.031đồng sang nợ quá hạn, Ngân hàng xin được gọi là nợ gốc (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và áp dụng lãi suất nợ

quá hạn là 2.874%/ tháng trên số tiền nợ quá hạn này (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Như vậy, tính đến ngày 23/09/2021, ông T3 còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền là 16.531.004đồng (mười sáu triệu năm trăm ba mươi một ngàn bốn đồng), trong đó nợ gốc 9.471.960, lãi quá hạn 7.059.044đồng, trong đó thẻ 970403-9824 số tiền là 12.816.209đồng, gồm gốc là 7.314.929,đồng, lãi 5.501.280đồng, thẻ 472074-7234: số tiền là 3.714.795, gồm gốc 2.157.031đồng, lãi 1.557.764đồng.

Lãi suất quá hạn được tính là 2.874%/ tháng.

Số ngày quá hạn: Đối với thẻ 970403-9824 số ngày quá hạn tính từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn tính từ ngày 31/07/2019 đến ngày 23/09/2021 là 785 ngày, thẻ 472074-7234 là 754 ngày tính từ ngày 30/08/2019 đến ngày 23/09/2021.

Cụ thể: Lãi quá hạn = Số tiền lãi quá hạn 1 ngày x Số ngày nợ quá hạn, trong đó: Số tiền lãi quá hạn 1 ngày = (dư nợ x 2.874%)/30 ngày

Thẻ 970403-9824 = (7.314.929,đồng x 2874%)/30 ngày = 7.008đồng/ngày, số tiền lãi quá hạn là 7.008đồng/ngày x 785 ngày = 5.501.280đồng.

Thẻ 472074-7234 = (2.157.031đồng x 2874%)/30 ngày = 1.568đồng/ngày, số tiền lãi quá hạn là 1.568đồng/ngày x 754 ngày = 1.557.764đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông T3 thanh toán, tuy nhiên ông T3 vẫn chưa thanh toán khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký.

Do đó, Ngân hàng S yêu cầu Tòa giải quyết:

Buộc ông Đỗ Thế T3 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/09/2021 là 16.531.004đồng (mười sáu triệu năm trăm ba mươi một ngàn bốn đồng), trong đó thẻ 970403-9824: số tiền là 12.816.209đồng, gồm gốc là 7.314.929,đồng, lãi 5.501.280đồng, thẻ 472074-7234: số tiền là 3.714.795, gồm gốc 2.157.031đồng, lãi 1.557.764đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 24/09/2021 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn: Ông Đỗ Thế T3 vắng mặt tại phiên tòa và không có bản tự khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, thư ký, HĐXX, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi HĐXX vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc thẩm phán, thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định, bị đơn không chấp hành theo quy định.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ tại các Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 471, 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S buộc ông Đỗ Thế T3 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi quá hạn tính đến ngày 23/9/2021 là: 16.531.004đồng (mười sáu triệu năm trăm ba mươi một ngàn bốn đồng), trong đó thẻ 970403-9824: số tiền là 12.816.209đồng, gồm gốc là 7.314.929,đồng, lãi 5.501.280đồng, thẻ 472074-7234: số tiền là 3.714.795, gồm gốc 2.157.031đồng, lãi 1.557.764đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 24/09/2021 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 17/04/2015 giữa ông T3 và Ngân hàng.

Về án phí: Bị đơn ông Đỗ Thế T3 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn ông Đỗ Thế T3 nhưng ông T3 không đến Tòa án, không có bản tự khai; Tòa án đã triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đã tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nhưng bị đơn ông T3 vắng mặt. Tòa án tiến hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T3 không có mặt, nên vụ án thuộc trường hợp những vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-DS ngày 20/8/2021 và đã tổng đạt theo quy định, theo đó phiên tòa bắt đầu lúc 08 giờ 00 phút ngày 06/9/2021, ông T3 vắng mặt nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa được mở lại lúc 8 giờ 00 phút ngày 23/9/2021, tại phiên tòa ngày 23/9/2021 bị đơn ông T3 tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 17/4/2015 ông Đỗ Thế T3 có ký với Ngân hàng S (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số thẻ 970403-9824, và thẻ tín dụng

số thẻ 472074-7234, hạn mức tín dụng là 10.000.000đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 1.916%/tháng (lãi suất trong hạn).

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T3 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 77.164.700đồng, trong đó thẻ 970403-9824: số tiền là 67.700.000đồng, thẻ 472074-7234: số tiền là 9.464.700đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông T3 đã thanh toán cho Ngân hàng với thẻ 970403-9824: 69.456.338,đồng, trong đó các khoản phí: 2.586.239đồng, tổng tiền lãi: 6.485.028đồng. Dư nợ tính đến ngày 30/07/2019 là 7.314.929đồng.

Với số thẻ 472074-7234: 9.602.000,đồng, trong đó các khoản phí: 1.584.000đồng, tiền lãi: 710.331đồng. Dư nợ tính đến ngày 29/08/2019 là 2.157.031đồng.

Như vậy ông T3 còn nợ của Ngân hàng số tiền là 9.471.960đồng, trong đó số tiền của thẻ 970403-9824 là 7.314.929,đồng, thẻ 472074-7234 là 2.157.031đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở ông T3, nhưng ông T3 không trả số nợ này cho Ngân hàng. Như vậy ông T3 đã vi phạm Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T3 có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.2] Xét về khoản nợ tính đến ngày xét xử 23/9/2021:

Theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đối với thẻ 970403-9824 ông T3 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 67.700.000đồng, thẻ 472074-7234: số tiền là 9.464.700đồng. Ông T3 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 79.058.338đồng, cụ thể đối với thẻ 970403-9824 ông T3 trả 69.456.338,đồng sau khi trừ các khoản phí: 2.586.239đồng, tổng tiền lãi: 6.485.028 đồng. Dư nợ đến ngày 30/07/2019 là 7.314.929đồng, đối với thẻ 472074-7234: 9.464.700,đồng, số tiền thanh toán: 9.602.000,đồng, tổng các khoản phí: 1.584.000đồng, tổng tiền lãi: 710.331đồng. Dư nợ đến ngày 29/08/2019 là 2.157.031đồng. Ngân hàng chuyển khoản nợ này qua khoản nợ quá hạn và tính đến ngày 23/9/2021 thẻ 970403-9824 số ngày nợ quá hạn là 875 ngày, thẻ 472074-7234 số ngày nợ quá hạn là 754 ngày. Như vậy ông T3 còn phải trả cho Ngân hàng số tiền là: 16.531.004đồng (mười sáu triệu năm trăm ba mươi một ngàn bốn đồng), trong đó thẻ 970403-9824: số tiền là 12.816.209đồng, gồm gốc là 7.314.929,đồng, lãi 5.501.280đồng, thẻ 472074-7234: số tiền là 3.714.795, gồm gốc 2.157.031đồng, lãi 1.557.764đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 24/09/2021 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng ông T3 đã ký với Ngân hàng vào ngày 17/4/2015.

[2.3] Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S buộc ông Đỗ Thế T3 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi quá hạn tính đến ngày 23/9/2021 là: 16.531.004đồng (mười sáu triệu năm trăm ba

mười một ngàn bốn đồng), trong đó thẻ 970403-9824: số tiền là 12.816.209đồng, gồm gốc là 7.314.929,đồng, lãi 5.501.280đồng, thẻ 472074-7234: số tiền là 3.714.795, gồm gốc 2.157.031đồng, lãi 1.557.764đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 24/09/2021 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 17/04/2015 giữa ông T3 và Ngân hàng.

Là phù hợp theo quy định tại các Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 471, 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.4] Về án phí: Bị đơn ông Đỗ Thế T3 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[2.6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 471, 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, buộc ông Đỗ Thế T3 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 23/9/2021 là 16.531.004đồng (mười sáu triệu năm trăm ba mươi một ngàn bốn đồng), trong đó thẻ 970403-9824: số tiền là 12.816.209đồng, gồm gốc là 7.314.929,đồng, lãi 5.501.280đồng, thẻ 472074-7234: số tiền là 3.714.795, gồm gốc 2.157.031đồng, lãi 1.557.764đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 24/09/2021 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 17/04/2015 giữa ông T3 và Ngân hàng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Thế T3 phải chịu 826.600,đồng (tám trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng S số tiền: 374.000,đồng (ba trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số:

AA/2018/0006296 ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

+ Kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga

